

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng năm 2026

## BÁO CÁO

### **Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang (lần 2)**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 5781/SNNMT-CCBVMT ngày 02/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thẩm định Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang (lần 2), Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

#### **I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang đã thông qua Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó “23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Sau khi sắp xếp, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km<sup>2</sup>, quy mô dân số là 4.952.238 người.”.

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đã thông qua Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Theo đó, quyết định áp dụng Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang mới cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường quy định:

“11. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

“**Điều 41. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường**

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường đối với các

đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ quy định thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp dự án đầu tư, cơ sở nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc dự án đầu tư, cơ sở nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ chế phối hợp với các địa phương có liên quan.”.

Đồng thời, đối tượng cấp giấy phép môi trường tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại điểm a, điểm b khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. Do đó, quy định của Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND đã không còn phù hợp.

Khoản 3 Điều 45 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025 quy định:

**“Điều 45. Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường**

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.”.

Khoản 3 phần A Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định:

**“III. Không thực hiện thủ tục hành chính cấp lại giấy phép môi trường (cấp trung ương và cấp tỉnh) quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Điều 10 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Điều 11 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.”**

Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định:

**“Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.”.

Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

**“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của**

**Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

**1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:**

a) *Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”*.

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND) là ***cần thiết và đúng thẩm quyền***.

**II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ chức thu phí: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

b) Đối tượng nộp phí: các tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư, cơ sở đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

c) Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến thu, nộp phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

**III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo quy định:**

***“Điều 2. Mức thu***

***1. Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường:***

b) *Cơ sở, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định:*

- *Đối với các cơ sở, dự án đầu tư trên đất liền: 9.350.000 đồng/hồ sơ;*

- *Đối với các cơ sở, dự án đầu tư trên đảo: 19.200.000 đồng/hồ sơ.”*

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu gạch đầu dòng tại điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “ngày 31/12/2025 của Chính phủ” tại khoản 6 Điều 3 dự thảo đảm bảo phù hợp theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

**IV. TỜ TRÌNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Đề nghị điều chỉnh bố cục tại các mục của dự thảo Tờ trình theo bố cục khoản, điểm. Các khoản theo thứ tự số Ả Rập, các điểm theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt.

**V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN**

1. Dự thảo Nghị quyết được chấp thuận đăng ký xây dựng tại Thông báo số

329/TB-TTHĐND ngày 19/12/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến cơ quan có liên quan tại Công văn số 4225/SNNMT-CCBVMT ngày 28/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc lấy ý kiến dự thảo Tờ trình và Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang; Công văn số 5325/SNNMT-CCBVMT ngày 22/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc lấy ý kiến dự thảo Tờ trình và Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang (lần 2) và tổng hợp ý kiến tại Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý kèm theo.

## **VI. KẾT LUẬN**

Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo theo các ý kiến tại Mục III, IV của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, httram.

**GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Tuấn Ngọc**